

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 346/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23-7-2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa anh
Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Th.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Việt Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Cải.

Bà Nguyễn Thị Kim Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

Ngày 23-7-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2020/TLST-HNGĐ ngày 23-4-2020 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07-7-2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 46 đường B, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1994

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 46 đường B, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Anh T có mặt. Chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 23-4-2020, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Th tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10-10-2012 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố N, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống, vợ chồng thường

xuân xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp nên hay xảy ra xích mích, cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Từ khi sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị Th.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn T xác nhận vợ chồng có một con chung là Nguyễn Khánh L, sinh ngày 21-3-2013. Anh có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về việc cấp dưỡng nuôi con thì anh và chị Th sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05-5-2020, bị đơn là chị Nguyễn Thị Th trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th xác nhận về điều kiện, thời điểm kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng như anh Nguyễn Văn T trình bày là đúng. Nay, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị xác định vợ chồng cũng không còn tình cảm với nhau nên chị đồng ý ly hôn anh T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Th xác nhận vợ chồng có một con chung là Nguyễn Khánh L, sinh ngày 21-3-2013 đồng thời có quan điểm nếu anh T có nguyện vọng nuôi con thì chị cũng đồng ý, chị và anh T sẽ tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Th xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ quan điểm như đã trình bày.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05-5-2020, cháu Nguyễn Khánh L trình bày nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng xin được ở với bố để ổn định chỗ ở và nơi học tập.

Tại đơn xin xác nhận về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng, nuôi con chung của anh Nguyễn Văn T, tổ trưởng tổ dân phố số 15 phường N, thành phố N đã xác nhận tình trạng mâu thuẫn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Th là đúng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử có cơ sở xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Th tự nguyện kết hôn và có đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố N nên là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của đương sự và tài liệu chứng cứ cho thấy: Trong quá trình chung sống, anh T và chị Th thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do hai bên bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp. Hai bên cũng đã hòa giải để cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng do mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay anh T có đơn đề nghị giải quyết ly hôn chị Th, chị Th cũng đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn của anh T và chị Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tranh chấp nuôi con chung:

Anh T và chị Th cùng thống nhất thỏa thuận: Sau khi ly hôn anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Khánh L, sinh ngày 21-3-2013. Cháu Nguyễn Khánh L cũng có nguyện vọng được ở với anh T để ổn định cuộc sống và học tập. Xét quan điểm của anh T và chị Th là tự nguyện. Vì vậy, để ổn định cuộc sống và đảm bảo lợi ích của con chung, căn cứ quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử quyết định: Giao cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Khánh L, sinh ngày 21-3-2013. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Th về việc cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Th đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn T là nguyên đơn nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Th.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Khánh L, sinh ngày 21-3-2013. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Th về cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Th đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 VNĐ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Thủy đã nộp theo biên lai số 0002847 ngày 23-4-2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

4. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Th có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- UBND phường B, thành phố N, tỉnh Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lương Việt Bằng